TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 28/02/2019
V/v "tranh chấp hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Huỳnh Bích Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Hoàng Mai**

2. Ông **Lê Thành Thật**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Xuân Bích -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G

Địa chỉ trụ sở: Số 35 đường Đ, KCN V, phường T, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn H – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông H: Ông Phạm Hữu L, sinh năm 1985. Chức vụ: Nhân viên công ty CPDP G – chi nhánh C(giấy ủy quyền số 16/2018/UQ-G, ngày 17/4/2018) (có mặt).

2/Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H – là chủ nhà thuốc P. (có mặt)

Địa chỉ: Số 21/6C, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung ngày 10/8/2018 và tờ tự khai ngày 17/8/2018 và các lời khai tại tòa án, đại diện nguyên đơn ông Phạm Hữu L trình bày: Ngày 16/01/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G – chi nhánh C ký hợp đồng mua bán với nhà thuốc P do bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc làm đại diện, địa chỉ: Số 21/6C, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Hợp đồng mua bán số 32/2017/HĐTM012017 ngày 16/01/2017 (gọi tắt là "Hợp đồng") thuốc tân dược do Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G sản xuất. Các bên cùng quy định là bên mua có trách nhiệm thanh toán nợ cho bên bán trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn; danh số cam kết của hợp đồng này là 480.000.000 đồng, tính từ ngày ký hợp đồng là ngày 16/01/2017 cho đến hết ngày 15/12/2017 thì kết thúc hợp đồng được hưởng như sau: Chiết khấu kết thúc hợp đồng nhóm A là 13%, nhóm B là 8% quyền lợi chiết khấu kết thúc hợp đồng được chi trả cho bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P khi hoàn thành danh số cam kết đúng thời hạn quy định và thanh toán xong công nợ hợp đồng chậm nhất ngày 15/01/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 28/6/2017 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G – chi nhánh Cvới bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P cùng thống nhất ký phụ lục hợp đồng mua bán số 001-32/2017/HDTM 012017 đã sửa đổi 01 phần nội dung hợp đồng số 32/2017/HĐTM012017 ngày 16/01/2017 (gọi tắt là "Hợp đồng") sửa đổi danh số cam kết mua hàng là 349.059.999 đồng tính từ ngày ký hợp đồng là ngày 16/01/2017 đến hết ngày 28/6/2017 để hưởng chính sách bán hàng của bên B (bà H là chủ nhà thuốc P làm đại diện). Bà H còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G theo 02 hóa đơn là ngày 13/6/2017 số tiền 49.089.624 đồng; ngày 28/6/2017 số tiền 40.176.524 đồng. Tổng cộng số tiền 89.266.148 đồng. Bà H đã thanh toán 05 lần tiền cụ thể như sau:

- Lần 1: số tiền 6.000.000 đồng, ngày 05/10/2017 (Cấn trừ phiếu mua hàng NSPT052017).

- Lần 2: số tiền 2.500.000 đồng, ngày 18/10/2017.

- Lần 3: số tiền 2.000.000 đồng, ngày 23/11/2017.

- Lần 4: số tiền 450.000 đồng, ngày 25/11/2017 (Cấn trừ trả phí trưng bài Glotadol F2017).

- Lần 5: số tiền 1.550.000 đồng, ngày 22/01/2018.

Tổng số tiền thanh toán là: 12.500.000 đồng. Sau khi thanh toán công nợ, số nợ còn lại 76.766.148 đồng.

Nhiều lần nhân viên Công ty điện thoại và tin nhắn, nhắc nhở nhưng bà H không có thiện chí trả nợ cho công ty.

Đối với số tiền là 42.990.752 đồng bà H không được hưởng do Điều 4 chính sách ưu đãi bán hàng Mục 1 chiết khấu kết thúc hợp đồng được chi trả khi bà H chủ nhà thuốc P thanh toán xong công nợ hợp đồng chậm nhất ngày 15/01/2018 cũng như biên bản thanh lý hợp đồng Điều 2 cam kết chung về nghĩa vụ thanh toán công nợ của bà H chủ nhà thuốc P với Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G - chi nhánh Ctheo biên bản thanh lý hợp đồng số 001/BBTL/32/2017/HDTM 012017 bà H đã ký ngày 22/8/2017.

Biên bản thanh lý hợp đồng 001/BBTL/32/2017/HDTM 012017 ký ngày 22/8/2017 thì danh số của bà H chủ nhà thuốc P thực đạt là 349.059.999 đồng thì quyền lợi của bà H được hưởng quyền lợi hợp đồng là 42.990.752 đồng số tiền này sẽ chi trả cho bà H là chủ nhà thuốc P trong vòng 07 ngày khi bà H thanh toán hết công nợ là 76.766.148 đồng cho công ty.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G yêu cầu bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm G số tiền 83.099.355 đồng (trong đó vốn là 76.766.148 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 28/7/2017 cho đến ngày 28/6/2018 lãi tạm tính là 6.333.207 đồng).

* Bị đơn bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P trình bày: Bà có ký hợp đồng mua bán số 32/2017/HĐTM 012017 với Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G – chi nhánh C, thuốc tân dược do Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G sản xuất. Hợp đồng số 32/2017/HĐTM 012017 với số tiền là 480.000.000 đồng, thời hạn là 01 năm. Vào khoảng giữa năm 2017 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G đã bán công ty qua công ty A, Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G yêu cầu bà H bổ sung phụ lục hợp đồng mua bán số 001-32/2017/HDTM 012017 điều chỉnh

danh số mua hàng với nội dung hợp đồng chỉnh sửa số tiền 349.059.999 đồng. (Số tiền này bà H đã thực hiện mua hàng) thể hiện qua Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 22/8/2017.

Theo phụ lục hợp đồng mua bán số 001-32/2017/HDTM 012017 với số tiền 349.059.999 đồng, bà H đã thanh toán được 259.793.851 đồng và còn nợ lại theo 02 hóa đơn là ngày 13/6/2017 số tiền 49.089.624 đồng; ngày 28/6/2017 số tiền 40.176.524 đồng. Tổng cộng là 89.266.148 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G – chi nhánh Ccòn thiếu tiền trả quảng cáo sản phẩm trả cho bà H Voucher là 6.000.000 đồng (tiền thưởng); tiền trưng bài sản phẩm là 450.000 đồng (Glotadol); tiền chiết khấu nhóm A, nhóm B theo biên bản thanh lý hợp BBTL số 001/BBTL/32/2017/HDTM 012017) ký ngày 22/8/2017 với số tiền là 42.990.752 đồng; 01 hộp thuốc bị lỗi chưa trả lại tên thuốc là Glanax 500 với số tiền là 83.800 đồng. Tiền mặt trả cho Chương Quốc Tuấn 03 lần, ngày 17/10/2017 Tuấn nhận 2.500.500 đồng; ngày 23/11/2017 Tuấn nhận 2.000.000 đồng; ngày 19/01/2018 Tuấn nhận 2.000.000 đồng nhưng cấn trừ 450.000 đồng tiền trưng bày nên nhận thực tế là 1.550.000 đồng). Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G còn thiếu là 55.574.552 đồng gồm tất cả tiền chiết khấu nhóm A, nhóm B, theo biên bản thanh lý Hợp đồng công ty phải trả cho bà H và quảng cáo sản phẩm, phiếu mua hàng. Bà H không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về số tiền 76.766.148 đồng. Bà H đồng ý trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G – chi nhánh Clà 33.691.596 đồng. Bà H xác định Giấy phép kinh doanh nhà thuốc P đã trả lại cho dược sĩ nên không còn giấy phép kinh doanh.

- Tại phiên tòa: đại diện nguyên đơn ông Phạm Hữu L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P làm đại diện có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm G số tiền vốn là 76.766.148 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật (lãi suất 9%/năm) từ ngày 28/7/2017 cho đến ngày xét xử (28/02/2019).

Bị đơn bà Nguyễn Thị H không đồng ý trả cho Công ty số tiền vốn là 76.766.148 đồng. Bà đồng ý trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G số tiền là 33.691.596 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm G khởi kiện bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P về "tranh chấp hợp đồng mua bán" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G là nguyên đơn trong vụ án khởi kiện và xác định bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P làm đại diện là bị đơn phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G ký văn bản ủy quyền cho ông Phạm Hữu L tham gia tố tụng tại tòa án. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận ông L tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] Về nội dung:

Ngày 16/01/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G – chi nhánh C có ký Hợp đồng mua bán số 32/2017/HĐTM012017 ngày 16/01/2017 (gọi tắt là "Hợp đồng") với nhà thuốc P do bà Nguyễn Thị H làm đại diện; Địa chỉ: Số 21/6C, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, thuốc tân dược do Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G sản xuất; Phụ lục hợp đồng mua bán số 001-32/2017/HDTM 012017 đã sửa đổi 01 phần nội dung hợp đồng số 32/2017/HĐTM012017 ngày 16/01/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H không thực hiện đúng theo hợp đồng và công nợ chậm thanh toán nên hai bên đã thống nhất thanh lý hợp đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 22/8/2017 thể hiện bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P làm đại diện phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G số tiền 89.266.148 đồng.

Bà Nguyễn Thị H thừa nhận có xác lập hợp đồng mua bán với Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G – chi nhánh C, bà thừa nhận còn nợ lại theo 02 hóa

đơn là ngày 13/6/2017 số tiền 49.089.624 đồng; ngày 28/6/2017 số tiền 40.176.524 đồng. Tổng cộng là 89.266.148 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G, thể hiện 02 hóa đơn là ngày 13/6/2017 số tiền 49.089.624 đồng; ngày 28/6/2017 số tiền 40.176.524 đồng do ông Phạm Hữu L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận 02 hóa đơn là ngày 13/6/2017; ngày 28/6/2017 là chứng cứ có thật. Bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P có thanh toán cho Công ty là 05 lần với số tiền 12.500.000 đồng nên hiện nay còn nợ là số tiền 76.766.148 đồng.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đại diện nguyên đơn ông Phạm Hữu L yêu cầu bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm G số tiền 76.766.148 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là 9%/năm từ ngày 28/7/2017 cho đến ngày xét xử.

Mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10/%/năm, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Phạm Hữu L yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là 9%/năm từ ngày 28/7/2017 cho đến ngày xét xử. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự và chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Mức lãi suất được áp dụng tại thời điểm xét xử là lãi suất 9/%/năm và được tính toán như sau: Từ ngày 28/7/2017 đến ngày 28/02/2019 là 19 tháng tiền lãi:

76.766.148 đồng x (9%/năm x 19 tháng)/12 tháng) = 10.939.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi là: 76.766.148 đồng + 10.939.000 đồng = 87.705.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P làm đại diện phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm G tổng cộng số tiền gốc và lãi là 87.705.000 đồng (tám mươi bảy triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P làm đại diện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.385.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.155.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm G.

- Buộc bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm G, do Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm G – chi nhánh C đại diện nhận tổng số tiền gốc và lãi là 87.705.000 đồng (tám mươi bảy triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng).

- Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm G được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.155.000 đồng (bốn triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009811 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Bà Nguyễn Thị H là chủ nhà thuốc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.385.000 đồng.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (01);
- VKSND TP.L (02);
- THADS Tp.L (01);
- Các đương sự;
- Lưu VP (01);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huỳnh Bích Tuyền